

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:66/2019/HS-ST

Ngày 21/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười- Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Hoàng Thị Trọng- Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số:
72/2019/TLHS-ST ngày 26/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
75/2019/QĐXXST-HS ngày 08/8/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phí Văn T**, sinh ngày 01/7/1988 thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm C, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Làm ruộng; Học vấn: 8/12.

Con ông: Phí Văn L- 1964; Con bà: Phạm Thị B- 1967. Vợ: Chưa có.

Tiền án: 1. Tại bản án số 33/2019/HS-ST ngày 26/2/2019 của TAND
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phí Văn T 42 tháng tù về tội
“Vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Tiền sự: Không

Về nhân thân: Năm 2012 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đưa vào cơ
sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 12 tháng.

Năm 2014 Công an huyện Đ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài
sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2019. Có mặt tại phiên tòa.

*/ Người làm chứng:

1. Nguyễn Đức L- 1969 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 07/5/2019 Tổ công tác công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Công an thị trấn Q làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực xóm C, thị trấn Q phát hiện Phí Văn T có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra hành chính thì T đã rút từ trong túi quần đang mặc 01 gói nhỏ ném xuống đất tại vị trí T đứng. Tổ công tác đã thu giữ và kiểm tra là 01 gói nhỏ chất bột màu trắng được gói bằng 02 lớp, lớp ngoài bằng nilong màu trắng, lớp trong bằng giấy màu trắng. Tổ Công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng niêm phong ký hiệu là A và 1.000.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu là B.

Hồi 16h40' ngày 07/5/2019 cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T. Kết quả khám xét không thu giữ gì. Đến 20h15' cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành cân khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của T. Kết quả khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của T là 0,323 gam và lấy mẫu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 767/KL-PC09 ngày 14/5/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của T là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng là 0,323 gam.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa T khai nhận: Bản thân T là người nghiện ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 07/5/2019 T một mình đi xe buýt từ nhà xuống khu vực xã T, thị xã P tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây T mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói heroin với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy T bắt xe buýt về nhà. Khi đang đi bộ về nhà thì bị tổ công tác Công an huyện Đ và Công an thị trấn Q phát hiện bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 70/ CT-VKSĐT ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phí Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 56 của BLHS tổng hợp hình phạt của bản án số 33/2019/HS-ST ngày 26/2/2019 của TAND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Tại phiên tòa bị cáo khai khoảng 11 giờ ngày 07/5/2019 bị cáo bắt xe buýt xuống xã T, thị xã P mua của một người đàn ông không quen biết. Sau khi mua được ma túy bị cáo bắt xe buýt về nhà. Khi vừa xuống xe buýt thì bị bắt quả tang. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định. Như vậy hành vi tàng trữ 0,323 gam heroin của Phí Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy ” phạm vào khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Điều 249 của BLHS quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm vào mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c)...Heroin có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 gam.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma túy. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS..

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử lý về hình sự về tội “Vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ” có liên quan đến việc sử dụng ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, nên đây là tình tiết nhân thân được xem xét trong quá trình nghị án.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần nên cần xử bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù là phù hợp. Tổng hợp hình phạt của bản án 33/2019/HS-ST ngày 26/2/2019 của TAND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là 42 tháng tù và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa có gia đình riêng, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

{6}. Về vật chứng: 02 phong bì niên phong ký hiệu A1, A2 cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 1.000.000 đồng hoàn trả cho bị cáo.

{7}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này người bán ma túy cho T không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phí Văn T phạm tội; “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của BLHS. Điều 329 của BLTTHS.

Xử phạt: Phí Văn T: 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 33/2019/HS-ST ngày 26/2/2019 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là 42 tháng tù buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 72 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/5/2019. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án..

***Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niên phong ký hiệu A1, A2.

- Hoàn trả bị cáo 1.000.000 đồng (QĐ chuyển vật chứng số 59/QĐ-VKSĐT ngày 25/7/2019 của VKSND huyện Đ)

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc T phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đ (3b);
- VKSND huyện Đ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS Huyện. Đ (1b);
- THAHS (03b);
- Bị cáo (1b);
- Lưu hồ sơ (1b).
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

LƯƠNG ĐỨC LONG